TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Ông Lý Quốc Tr1.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 74/2022/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Hoàng A, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp Gò Dồ Nhỏ, xã Bình Th, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Lập, huyện M, tỉnh L.

Ông A có mặt; bà D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng A: Ông Ngô Hoàng A yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị D. Về con chung, có một con chung là Ngô Minh Đ, sinh ngày 13/02/2008, ông A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có.

Yêu cầu, đề nghị của bà Nguyễn Thị D: Bà D vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do ông Ngô Hoàng A cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của ông A (photo); trích lục giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh Ngô Minh Đ (bản sao).

Chứng cứ do bà Nguyễn Thị D cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Ông A trình bày:

Ông A và bà D đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn Đ, thị xã Bến Tr, tỉnh Bến Tr vào năm 2008. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có một con chung là Ngô Minh Đ, sinh ngày 13/02/2008.

Sau khi có con, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, tình trạng trầm trọng. Hiện nay, cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã ly thân từ năm 2018. Ông A nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông A không còn tình cảm với bà D. Do đó, ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà D. Về con chung, ông A yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà D cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ông A đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Ông Ngô Hoàng A và bà Nguyễn Thị D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn Đ, thị xã Bến Tr, tỉnh Bến Tr và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị D: Bà Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà D.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của ông Ngô Hoàng A:

[3.1]. Ông A trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Bà D vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của ông A để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của ông A thể hiện cả hai thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc. Cả hai không còn sống chung nhà, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc bà D vắng mặt thể hiện bà D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3.3]. Ông A xác định không còn tình cảm với bà D. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa ông A và bà D không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa ông A và bà D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

[3.4]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A đối với bà D.

[4]. Về con chung: Bà D không có ý kiến về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông A. Xét thấy, con chung tên Ngô Minh Đ, sinh ngày 13/02/2008, hiện đang sống với ông A, con chung có nguyện vọng sống với ông A nên ông A trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông A.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Về tài sản chung: Ông A xác định không có tài sản chung, bà D vắng mặt, không có yêu cầu nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến ông A về việc không có tài sản chung.

[7]. Về nợ chung: Ông A xác định không có nợ chung, bà D vắng mặt, không có ý kiến, cũng không có ai yêu cầu về nợ chung nên Tòa án tạm thời ghi nhận ý kiến ông A về việc không có nợ chung.

[8]. Về án phí: Ông Ngô Hoàng A phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ngô Hoàng A đối với bà Nguyễn Thị D, cho ông A được ly hôn bà D.

2. Về con chung:

2.1. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Hoàng A về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Ngô Minh Đ, sinh ngày 13/02/2008, hiện đang sống với ông A. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của ông Ngô Hoàng A về việc không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận tạm thời ý kiến của ông Ngô Hoàng A về việc không có nợ chung.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc ông Ngô Hoàng A phải chịu án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai số 0010489 ngày 12 tháng 10 năm 2022

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, ông A đã nộp đủ án phí.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Ông Ngô Hoàng A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã Sơn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1